

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 9

(Từ ngày 06/09/2021-11/09/2021)

TUẦN 1

Tiết 1-2

Văn bản: PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

(Lê Anh Trà)

I. Đọc - hiểu chú thích:

1. Tác giả:

- Lê Anh Trà (1927 – 1999)
- Quê: Đức Phổ, Quảng Ngãi.
- Là nhà quân sự, nhà báo.
- Tác giả chuyên nghiên cứu và viết về Hồ Chí Minh.

2. Tác phẩm:

- Kiểu văn bản: Nhật dụng
- PTBD: Nghị luận kết hợp thuyết minh
- Chủ đề: Hội nhập thế giới và giữ gìn bản sắc dân tộc.
- Xuất xứ: trích bài “Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị”

II. Đọc-hiểu văn bản:

1. Hồ Chí Minh với sự tiếp thu văn hóa

a. Bối cảnh tiếp thu:

- Trên con đường vượt đại dương.
- Ghé nhiều nước trên thế giới.
- Nói và viết thạo nhiều thứ tiếng.
- Làm nhiều nghề.
- *Kể xen lẫn bình luận, so sánh.*
- > *Gắn với sự nghiệp cứu nước, vốn tri thức sâu rộng, uyên thâm.*

b. Cách tiếp thu:

- Đi đến đâu cũng học hỏi.
- Với chủ nghĩa tư bản.
- Tiếp thu mọi cái đẹp và cái hay
- Phê phán những tiêu cực.
- *Lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa bình luận, kể.*
 - > *Tiếp thu có chọn lọc, trên cơ sở vốn văn hóa dân tộc.*
 - => Phong cách Hồ Chí Minh: Kết hợp hài hòa giữa văn hóa truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại.

2. Nét đẹp trong lối sống của chủ tịch Hồ Chí Minh:

*** Nơi ở, làm việc:**

- Nhà sàn, vốn vẹn vài phòng.
- Là nơi tiếp khách, họp Bộ Chính trị, làm việc và ngủ.
- > *Nơi ở đơn sơ.*

*** Trang phục:**

- Bộ quần áo bà ba nâu.
- Chiếc áo trấn thủ.
- Đôi dép lóp
- > *Giản dị.*

*** Ăn uống:**

- Cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa.
- > *Dân dã, đạm bạc, không cầu kì.*

*** Tư trang:**

- Chiếc vali con.
- Vài bộ quần áo.
- Vài vật kỉ niệm của cuộc đời.
- > *Tư trang ít ỏi.*

- **Nhận xét:** Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và có lẽ cả thế giới...

-> *Khẳng định lối sống hiếm có của Bác.*

- **DẪN CHỨNG TIÊU BIỂU, BÌNH LUẬN XEN LẪN CHỨNG MINH**
=> **LỐI SỐNG GIẢN DỊ, THANH ĐẠM, TRONG SÁNG**

3. Đánh giá lối sống của Bác:

- *Tôi dám chắc không có một vị lãnh tụ, một vị tổng thống sống đến mức giản dị và tiết chế như vậy.*
 - *Bất giác ta nghĩ đến các vị hiền triết ngày xưa...*
 - Cách sống có văn hóa trở thành quan điểm thẩm mĩ
 - Đó là một cách di dưỡng tinh thần, có khả năng mang lại hạnh phúc cho tâm hồn và thể xác.
- Hình thức so sánh đan xen thơ Nguyễn Bình Khiêm, dùng từ Hán Việt

-> *Lối sống giản dị mà thanh cao.*

- Truyền thống- hiện đại
- Dân tộc- nhân loại
- Giản dị thanh cao

=> *Tự hào, kính yêu, ngưỡng mộ. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.*

III. Ghi nhớ: (SGK/8)

IV. Luyện tập : Bài tập (SGK tr 8)

Tiết 3 : CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

I. Tìm hiểu bài:

1. Phương châm về lượng:

*** Tìm hiểu VD (SGK/ 8)**

*** VD1:**

- Câu trả lời của Ba không mang nội dung mà An cần biết.
- Ba cần trả lời bằng một địa điểm cụ thể

VD: Minh học ở hồ bơi Trung tâm văn hóa Quận 12.

-> *Nói đúng nội dung, không nói thiếu*

*** VD 2: “Lợn cưới, áo mới” (SGK/ 9)**

- Truyện gây cười vì 2 nhân vật đều nói nhiều hơn những gì cần nói.
- Cần hỏi: *Bác có thấy con lợn nào chạy qua đây không?*
- Cần trả lời: *Tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả.*

-> ***Không nói thừa***

=> Khi giao tiếp cần nói cho có nội dung, nội dung lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu giao tiếp, không thiếu, không thừa.-> **Tuân thủ phương châm về lượng.**

2. Phương châm về chất:

***Tìm hiểu VD : “Quả bí khổng lồ” (SGK/ 9.10)**

- Truyện phê phán tính nói khoác

- >Khi giao tiếp đừng nói:

+ Điều mà mình không tin là đúng

+ Điều mà mình không có bằng chứng xác thực

=> **Khi giao tiếp đừng nói những điều mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực -> tuân thủ phương châm về chất.**

II. Ghi nhớ: (SGK/9,10)

III. Luyện tập: (SGK/ 10,11)

Bài 1:

a. Thừa: "nuôi ở nhà" -> bỏ

b. Thừa: "có hai cánh" -> bỏ

Bài 2:

a. ... nói có sách, mách có chứng.

b..... nói dối.

c.....nói mò.

d.nói nhăng nói cuội.

e.nói trạng.

-> ***Liên quan đến phương châm về chất***

Bài 3:

Vì phạm phương châm về lượng. (*Thừa câu hỏi cuối*).

Bài 4:

a. Người nói dùng cách diễn đạt: *như tôi được biết, tôi tin rằng, tôi nghe nói...* -> báo cho người nghe biết tính xác thực của nhận định hay thông tin mà mình đưa ra chưa đc kiểm chứng.

b. Người nói dùng cách diễn đạt: *như tôi đã trình bày, như mọi người đều biết...* -> báo cho người nghe biết việc nhắc lại nội dung là do chủ ý của người nói

Bài 5:

- Ăn đơm nói đặt: *vu khống đặt điều, bịa chuyện cho người khác*

- Ăn ốc nói mò: *nói không có căn cứ*

- Ăn không nói có: *vu khống, bịa đặt.*

- Cãi chày cãi cối: *Cố tranh cãi nhưng không có lí lẽ.*

- Khua môi múa mép: *nói năng ba hoa, khoác lác, phô trương.*

- Nói dơi nói chuột: *nói lảng nhãng, linh tinh, không xác thực*

- Hứa hươu hứa vượn: *hứa để được lòng rồi không thực hiện*

=> *Liên quan đến phương châm về chất.*

Tiết 4 : SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. Tìm hiểu bài:

1.Tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh:

a. Ôn tập văn bản thuyết minh:

- Tính chất:

+ Khách quan

+ Thực dụng

+ Cung cấp tri thức xác thực, hữu ích cho con người.

- **Mục đích:** Cung cấp tri thức khách quan về sự vật, hiện tượng... được chọn làm đối tượng thuyết minh.

- **Các phương pháp thuyết minh:** định nghĩa, phân tích, nêu ví dụ, liệt kê, dùng số liệu, so sánh.

b. Viết văn thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật:

* **Tìm hiểu Văn bản:** “Hạ Long - Đá và nước”.

- Văn bản thuyết minh sự *kì lạ* và *vô tận* của Hạ Long do đá và nước tạo nên

- Văn bản cung cấp tri thức khách quan về đối tượng.

- Phương pháp thuyết minh: giải thích, liệt kê, phân loại để chỉ rõ mối quan hệ giữa đá và nước trong vịnh Hạ Long.

- Sử dụng:

+ Biện pháp liên tưởng, tưởng tượng

+ Phép nhân hoá

+ Yếu tố miêu tả

-> *Giới thiệu vịnh Hạ Long không chỉ có đá và nước mà là một Thế Giới sống động có hồn. Là lời mời gọi du khách đến với vịnh Hạ Long.*

II. Ghi nhớ: (SGK/13)

- **Các biện pháp nghệ thuật:** miêu tả, nhân hoá, đối thoại theo lối ẩn dụ....

- **Tác dụng:** Văn bản sinh động, hấp dẫn, đặc điểm của đối tượng thuyết minh được nổi bật...

III. Luyện tập: (SGK/14)

Bài tập 1: “Ngọc Hoàng xử tội Ruồi xanh”

Câu a.

- Văn bản có tính chất thuyết minh vì: đã cung cấp cho người đọc những tri thức khách quan về loài ruồi:

- Tính chất thuyết minh được thể hiện rõ:

+ “Con là Ruồi xanh, thuộc họ côn trùng hai cánh, mắt lưới. Họ hàng con rất đông gồm: Ruồi trâu , Ruồi vàng , Ruồi giấm...”

+ Bên ngoài ruồi mang 6 triệu vi khuẩn, trong ruột chứa đến 28 triệu vi khuẩn...Một đôi ruồi từ tháng 4 đến tháng 8, nếu đều mẹ tròn con vuông sẽ đẻ ra 19 triệu tỉ con ruồi...”

+ Một mắt chứa hàng triệu mắt nhỏ: chân ruồi có thể chiết ra chất dính làm cho nó đậu trên mặt kính mà không bị trượt chân...”

- Phương pháp thuyết minh được sử dụng:

+ Định nghĩa : thuộc họ côn trùng

+ Phân loại: các loại ruồi

+ Số liệu: số vi khuẩn, số lượng sinh sản

+ Liệt kê: mắt lưới, chân...

Câu b,c.

- Nét đặc biệt của bài thuyết minh :

+ *Hình thức*: giống như bản tường thuật một phiên tòa.

+ *Cấu trúc* : giống như biên bản một cuộc tranh luận về mặt pháp lí

+ *Nội dung*: giống như một câu chuyện kể về loài ruồi .

- Các biện pháp nghệ thuật: kể chuyện, miêu tả, đối thoại theo lối nhân hoá

=> Việc truyền thụ tri thức về loài ruồi thêm sinh động, hấp dẫn, dễ hiểu, dễ nhớ, đối tượng thêm nổi bật, gây hứng thú cho người đọc.

Tiết 5 : LUYỆN TẬP SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

Đề bài: Thuyết minh một trong các đồ dùng sau: cái quạt, cái bút, cái kéo, chiếc nón.

- Yêu cầu của văn bản thuyết minh:
- Về nội dung: Văn bản thuyết minh phải nêu được công dụng, cấu tạo , chủng loại, lịch sử của các đồ dùng nói trên.
- Về hình thức: phải biết vận dụng một số biện pháp nghệ thuật để giúp cho văn bản thuyết minh thêm sinh động , hấp dẫn.

1. Dàn ý: Thuyết minh về chiếc nón

- **MB:** Giới thiệu chung về chiếc nón

- **TB:**

+ Lịch sử chiếc nón

+ Cấu tạo của chiếc nón

+ Quy trình làm ra chiếc nón

+ Giá trị kinh tế, văn hóa, nghệ thuật của chiếc nón

+ Cách sử dụng và bảo quản

- **KB:** Cảm nghĩ chung về chiếc nón trong đời sống hiện tại

2. Hướng dẫn HS viết đoạn văn mở bài, một đoạn trong phần thân bài, kết bài

3. Gọi HS trình bày:

MỌI THẮC MẮC PHHS VÀ HS VUI LÒNG LIÊN HỆ:

Cô Yến Ngọc: 0349367617

Cô Trang: 0987585849

Cô Thanh: 07084399004

Cô Mai: 0935713253

Cô Thu Thủy: 0903192050